

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CỦA PHẦN LAN - BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Chương trình giáo dục phổ thông của Phần Lan đặt ra mục tiêu cơ sở cấp quốc gia được xác định trong Nghị định Chính phủ, trong đó gồm các vấn đề: giúp học sinh phát triển và trở thành thành viên tích cực, có trách nhiệm của xã hội; trang bị cho học sinh những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho cuộc sống; thúc đẩy học tập suốt đời và công bằng giáo dục.

Các giá trị ẩn sau giáo dục cơ sở là: quyền con người; công bằng; dân chủ; sự đa dạng tự nhiên; bảo vệ môi trường, sự công nhận đa văn hoá.

Giáo dục tạo cơ hội cho sự phát triển đa dạng, sự học tập, sự phát triển lành mạnh tính tự trọng, từ đó học sinh có thể đạt được những kiến thức và kỹ năng cần trong cuộc sống, khả năng học tập tiếp tục, những công dân tích cực và phát triển xã hội dân chủ.

Nghị định Chính phủ 2012 nhấn mạnh các năng lực chủ chốt của học sinh như năng lực tư duy và học cách học; hiểu biết văn hoá, tương tác và diễn cảm; các kỹ năng chăm sóc bản thân và cuộc sống hằng ngày; văn hoá đa phương tiện; công nghệ thông tin (ICT) và truyền thông; thế giới công việc, các kỹ năng thiết yếu và khởi nghiệp; sự tham gia, ảnh hưởng, và xây dựng tương lai bền vững.

Trong chương trình cũng nhấn mạnh tới mục tiêu giáo dục học sinh thành những công dân tích cực, có trách nhiệm. Các kỹ năng công dân của chương trình giáo dục phổ thông được cụ thể hoá song song với thời lượng chương trình của từng cấp học¹.

Đối với yêu cầu về các kỹ năng công dân của học sinh được xây dựng theo các tiêu chí sau:

Thứ nhất, về các kỹ năng tư duy học sinh phải tự giải quyết được vấn đề, có lập luận, có tư duy phê phán, phân tích và hệ thống, có tư duy sáng tạo và đổi mới.

Thứ hai, về các cách thức làm việc và tương tác học sinh phải biết thu thập, phân tích và sử dụng thông tin; giao tiếp, hợp tác, điều đình; làm việc độc lập; quản lý thời gian và sự mềm dẻo; có sáng kiến và khả năng hành động để thay đổi; có trình độ về ICT và các kỹ năng công nghệ khác; các kỹ năng học tập.

¹ Xem thêm Bảng 2: Phân bổ thời lượng ở giáo dục cơ sở và Bảng 3 Phân bổ thời lượng ở THPT

Thứ ba, về các kĩ năng diễn tả và thực hành học sinh phải đạt được các yêu cầu về phối hợp cơ thể và chân tay; các kĩ năng và sự mạnh dạn trong diễn tả; các kĩ năng lập kế hoạch, thực hiện và có tính sáng tạo.

Thứ tư, khi tham gia chủ động và sáng tạo học sinh phải có nhận thức về cộng đồng và xã hội; có các kĩ năng lãnh đạo và tiên phong; có khả năng xây dựng; chấp nhận sự đa dạng và sự khác biệt về quan điểm; có các kĩ năng truyền thông, có khả năng suy nghĩ lâu dài và kiến tạo tương lai.

Thứ năm, học sinh phải tự nhận thức về trách nhiệm cá nhân thông qua việc tự nhận thức và phản ánh; tự chăm sóc sức khoẻ và an toàn; có khả năng hành động theo cách có trách nhiệm, đạo đức, là thành viên gắn bó của cộng đồng, tác phong tốt và có sự thấu hiểu.

2. Vấn đề tích hợp trong chương trình giáo dục phổ thông của Phần Lan

Tiếp cận tích hợp được quan tâm. Trong chương trình có các môn học tích hợp như nghiên cứu môi trường, vật lí và hoá học, sinh vật và địa lí. Những năng lực chủ chốt được xác định cũng đòi hỏi và tạo điều kiện thực hiện tích hợp. Trong chương trình mới còn xác định các nhóm đa môn², qua đó cũng tạo thuận lợi cho dạy học tích hợp. Về tổ chức dạy học, phương pháp dạy học quan tâm dành thời gian thích đáng cho các chủ đề tích hợp dạy học dự án; các hoạt động.

3. Sự phân hoá trong chương trình giáo dục phổ thông của Phần Lan

Vấn đề dạy học hướng tới cá nhân học sinh tiếp tục được nhấn mạnh. Phần Lan chú trọng tới giáo dục nhu cầu đặc biệt, hỗ trợ cho trẻ em không có khả năng hoặc không sẵn sàng học tập, khoảng 30% học sinh Phần Lan nhận được giáo dục đặc biệt, đây là một tỉ lệ cao so với hầu hết các hệ thống giáo dục trên thế giới.

Trong quan điểm, định hướng đổi mới tiếp tục nhấn mạnh tới việc dạy học cá thể hoá; tăng cường cơ hội cho phát triển năng lực và khát vọng cá nhân.

Có chương trình cho học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt; các chương trình ngôn ngữ khác nhau cho các nhóm học sinh.

Trong tổ chức chương trình, bên cạnh các môn bắt buộc còn có các môn tự chọn. Các môn này được xác định bởi phụ trách giáo dục địa phương và nhà trường. Điều này tạo điều kiện cho dạy học đáp ứng nhu cầu, điều kiện thực tiễn ở các nhà trường.

² Xem thêm Bảng 4: Các nhóm đa môn, môn học

Phân hoá ở THPT:

Các khoá học (courses) ở trung học phổ thông thuộc 3 nhóm: bắt buộc; chuyên sâu (specialisation); ứng dụng. Các khoá học chuyên sâu chủ yếu là các khoá học phát triển, liên quan trực tiếp tới các khoá bắt buộc. Các khoá học ứng dụng có thể tích hợp, chứa đựng các thành phần từ các môn học khác nhau, các khoá về phương pháp luận hoặc nghề... do nhà trường hoặc do một số cơ sở giáo dục cung cấp; là tự chọn với học sinh.

Bên cạnh các khoá bắt buộc và chuyên sâu được xác định trong phân bổ thời lượng ở trên, có thể còn có các khoá chuyên sâu và ứng dụng do nhà trường đưa ra.

Hai năm cuối ở trung học phổ thông thì không có "lớp học" cũng như không có "khối lớp" - thay vào đó học sinh thiết kế kế hoạch học tập cá nhân và thực hiện kế hoạch theo nhịp độ của mình. Với những học sinh có hứng thú theo hướng chuyên sâu nào đó thì các em có thể theo học ở trường chuyên biệt. Trong đó có những trường hướng tới tập trung vào những môn nhất định như nghệ thuật, âm nhạc hay thể thao.

4. Bài học kinh nghiệm cho Việt nam

Từ những phân tích trên, có thể thấy Phần Lan có một nền giáo dục phổ thông tiên tiến, thể hiện qua những thành tựu đạt được về kết quả học tập của học sinh (trong đó có thành tích cao trong đánh giá quốc tế PISA là một minh chứng), đóng góp quan trọng cho sự thành công trong sự nghiệp công nghiệp hoá, xây dựng nền kinh tế tri thức của đất nước. Những kết quả nghiên cứu nói trên cũng như từ một số nghiên cứu quốc tế cho thấy một số yếu tố quan trọng dẫn tới sự thành công trong giáo dục của Phần Lan:

- Xã hội Phần Lan dân chủ, có tính thuần nhất văn hoá, các giá trị chung và gần như cùng chung ngôn ngữ.

- Trong giáo dục ở Phần Lan, công bằng là nguyên tắc được đặt ở vị trí hàng đầu. Một số đặc điểm cụ thể của giáo dục Phần Lan thể hiện nguyên tắc này là: học sinh có nhu cầu đặc biệt nhận được sự hỗ trợ cần thiết; giáo dục miễn phí.

- Hệ thống trường hỗn hợp (9 năm giáo dục cơ sở).

- Ở Phần Lan, nghề giáo viên được coi là nghề chuyên môn cao và được xã hội coi trọng.

- Sự mềm dẻo trong chương trình, tổ chức giáo dục ở Phần Lan. Quản lí giáo dục thực hiện trên cơ sở phân quyền mạnh và cung cấp hỗ trợ.

Chính vì vậy, đề án phát triển Chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam cho giai đoạn tới, được rút ra trên cơ sở nghiên cứu về giáo dục phổ thông ở Phần Lan cũng như từ những nghiên cứu về lý luận và thực tiễn giáo dục phổ thông Việt Nam.

Thứ nhất, về hệ thống giáo dục: Giáo dục cơ sở bắt buộc (9 năm) (ở bậc học này không phân luồng) và thực hiện phân luồng sau trung học cơ sở. Chú ý tới tính liên thông tạo cơ hội cho những học sinh theo hướng nghề sau giáo dục cơ sở có điều kiện học lên tiếp (ở đại học...).

Thứ hai, về tiếp cận trong xây dựng chương trình: qua nghiên cứu Chương trình giáo dục phổ thông Phần Lan cho thấy vấn đề phát triển năng lực người học đã được quan tâm thể hiện trong mục tiêu giáo dục, cách lựa chọn và tổ chức nội dung giáo dục cũng như phương pháp giáo dục. Đây là những vấn đề có thể học tập trong phát triển Chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam cho giai đoạn tới.

Một số nội dung cụ thể:

Một là xác định các lĩnh vực/chủ đề học tập rộng, xuyên môn tạo cơ sở cho việc phát triển các năng lực của học sinh. Các chủ đề học tập rộng này giúp học sinh liên hệ kiến thức môn học với những mối quan tâm hằng ngày, giúp hiểu hơn về thực tế; gắn những vấn đề lớn mà thế hệ trẻ phải đối mặt; trở thành công dân tích cực của địa phương, đất nước, cũng như toàn cầu. Các chủ đề đáp ứng nhu cầu/sở thích đa dạng của học sinh và phản ánh yêu cầu của xã hội đối với giáo dục; tạo thuận lợi cho sự tích hợp việc học tập trong các môn học khác nhau, phát triển năng lực giải quyết vấn đề. Các nội dung của các chủ đề rộng có thể được thực hiện qua các môn học hoặc hoạt động nghiên cứu lý luận.

Hai là xây dựng một số môn học tích hợp. Trong chương trình giáo dục cơ sở Phần Lan có các môn học tích hợp như nghiên cứu môi trường (tích hợp các nội dung về sinh vật, địa lí, vật lí, hoá học, giáo dục sức khỏe), vật lí và hoá học (tích hợp các nội dung về vật lí, hoá học, giáo dục sức khỏe)... Tuy nhiên kinh nghiệm của Phần Lan cũng cho thấy, mức độ tích hợp cũng thể hiện khác nhau ở các môn hay trong các chủ đề của cùng môn.

Ba là quan tâm nghiên cứu cấu trúc theo các giai đoạn học tập (chẳng hạn 2 hoặc 3 năm) nhằm tạo thuận lợi cho phát triển các năng lực học sinh.

Bốn là tạo điều kiện phát triển năng lực của cá nhân người học qua dạy học hướng tới từng cá nhân học sinh.

Ở trung học phổ thông cần giảm bớt số môn học bắt buộc và tăng cường tự chọn. Việc thực hiện phân hoá ở trung học phổ thông theo hướng tự chọn

theo một số định hướng xác định. (Liên quan tới vấn đề này, về thi tốt nghiệp, thi đại học có thể là:

- Thi tốt nghiệp có thể có các môn chung bắt buộc và các môn tự chọn.
- Cho phép các trường đại học, cao đẳng tuyển sinh dựa vào kết quả thi tốt nghiệp.
- Các trường đại học, cao đẳng cũng có thể (tự) tổ chức thi tuyển sinh theo hướng dẫn chung của Bộ. Việc xét tuyển cũng có thể phối hợp kết quả thi tốt nghiệp và thi tuyển của trường).
- Về phương pháp giáo dục, cần chú ý xây dựng môi trường học tập thân thiện, đẩy mạnh dạy và học tích cực nhằm phát triển năng lực học sinh, trong đó chú ý tới tiếp cận dạy học theo quan điểm kiến tạo xã hội, chú ý đẩy mạnh việc ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin. Tăng cường vai trò tự chủ, tích cực của học sinh trong nhà trường (tạo cơ hội để các em tự tổ chức các hoạt động của mình ở nhà trường, được tham gia vào các hoạt động học tập với hình thức đa dạng, tham gia các hoạt động xã hội...).

Về quy trình đổi mới:

Trong đổi mới chương trình, cần tăng cường các hoạt động nhằm tạo sự hiểu biết, đồng thuận của xã hội, sự ủng hộ của các cấp, các ngành, của các địa phương. Cần có cơ chế cho sự phối hợp.

Cần có sự đồng bộ giữa đổi mới chương trình và chuẩn bị đội ngũ (cán bộ quản lý, giáo viên), cơ sở vật chất, đổi mới thi cử. Đặc biệt chú ý tới vai trò của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý. Chú ý xây dựng cộng đồng học tập, phát triển chuyên môn trước tiên là ở từng nhà trường và sau đó là giữa các trường. Ngoài ra cũng cần lưu ý rằng để thay đổi cách dạy của giáo viên đòi hỏi thời gian.

Trong quá trình phát triển chương trình luôn có những sự điều chỉnh cân đối nhằm đảm bảo tính thống nhất đồng thời đáp ứng các điều kiện, nhu cầu đa dạng của các nhà trường và đối tượng học sinh khác nhau. Việc quản lý chương trình cần thay đổi theo hướng phân cấp mạnh hơn cho các cơ sở giáo dục, cho phép nhà trường chủ động, linh hoạt hơn trong tổ chức thực hiện chương trình. Tuy nhiên cần đồng thời nâng cao năng lực quản lý, thực hiện chương trình của các nhà trường. Ngoài ra cần lưu ý có lộ trình và mức độ thích hợp, tránh đi từ thái cực này sang thái cực khác (Kinh nghiệm của Phần Lan khi giao quá nhiều quyền cho địa phương trong đổi mới chương trình năm 1994 mà sau đó đã phải có sự điều chỉnh lại là một bài học cho điều này).

Quan niệm xây dựng chương trình là một quá trình phát triển liên tục. Trong quá trình này có sự phân cấp. Chẳng hạn ở giáo dục cơ sở, ở cấp độ quốc

gia xây dựng chương trình cốt lõi với nội dung khá chi tiết và các hướng dẫn đánh giá kết quả cần đạt sau mỗi giai đoạn học tập. Ở cấp độ địa phương sẽ xây dựng/định hướng phần nội dung “mềm” dành cho địa phương, cụ thể hoá về cách thức thực hiện chương trình. Các trường sẽ phát triển chương trình giáo dục của trường. Trong việc xây dựng chương trình ở cấp độ địa phương, căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương mà có thể quyết định mức độ phân cấp, sự hỗ trợ cho các nhà trường. Cũng có thể xây dựng một số phương án mang tính hướng dẫn để các địa phương, nhà trường tham khảo. Có thể có một số bộ sách để nhà trường lựa chọn cho phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế.



TTBD ĐBDC



Phụ lục

Bảng 2. Phân bổ thời lượng ở giáo dục cơ sở (số tiết/tuần – năm học có 38 tuần)

| Lớp/Môn | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | Tổng |
|---|----|----|----|---|----|------|---|---|------|------|
| Tiếng mẹ đẻ và văn | 14 | | 18 | | | 10 | | | 42 | |
| Ngôn ngữ A | 9 | | | | | 7 | | | 16 | |
| Ngôn ngữ B | 2 | | | | | 4 | | | 6 | |
| Toán | 6 | 15 | | | 11 | | | | 32 | |
| Nghiên cứu môi trường | 4 | 10 | | | | | | | | |
| Sinh vật và địa lí (tự nhiên) | | | | | | 7 | | | | |
| Vật lí và hoá học | | | | | | 7 | | | | |
| Giáo dục sức khoẻ | | | | | | 3 | | | | |
| Nghiên cứu môi trường và tự nhiên | 14 | | | | | 17 | | | 31 | |
| Tôn giáo hoặc Đạo đức | 2 | 5 | | | 3 | | | | 11 | |
| Nghiên cứu xã hội và Lịch sử | 5 | | | | | 7 | | | 10 | |
| Âm nhạc | 2 | 4 | | | 2 | | | | 8 | |
| Nghệ thuật trực quan | 2 | 5 | | | 2 | | | | 9 | |
| Thủ công | 4 | 5 | | | 2 | | | | 11 | |
| Thể dục | 4 | 9 | | | 7 | | | | 20 | |
| Kinh tế gia đình | | | | | | 3 | | | 3 | |
| Lựa chọn: Nghệ thuật và vật liệu thủ công | | | 6 | | | 5 | | | 11 | |
| Giáo dục và hướng dẫn nghề | | | | | | 2 | | | 2 | |
| Các môn tự chọn | 9 | | | | | | | | | 9 |
| Tổng số tiết tối thiểu | | | | | | | | | | 222 |
| Ngôn ngữ tự nguyện A2 | | | | | | (12) | | | (12) | |
| Ngôn ngữ tự nguyện B2 | | | | | | (4) | | | (4) | |

Bảng 3. Phân bổ thời lượng ở THPT

| Môn | Các khoá bắt buộc | Các khoá tăng cường |
|-----------------------------------|-------------------|---------------------|
| Tiếng mẹ đẻ và văn học | 6 | 3 |
| Ngoại ngữ bắt buộc B | 6 | 2 |
| Ngoại ngữ bắt buộc A | 5 | 2 |
| Các ngôn ngữ khác | | 16 |
| Toán | | |
| Khoá thời gian ngắn | 6 | 2 |
| Khoá tăng cường | 10 | 3 |
| Sinh vật | 2 | 3 |
| Địa lí | 2 | 2 |
| Vật lí | 1 | 7 |
| Hoá học | 1 | 4 |
| Tôn giáo/Đạo đức | 3 | 2 |
| Triết học | 1 | 3 |
| Tâm lí | | 4 |
| Lịch sử, nghiên cứu xã hội | 5 | 4 |
| Các môn nghệ thuật | 3 | |
| Âm nhạc | 1 hoặc 2 | 3 |
| Vẽ... | 1 hoặc 2 | 3 |
| Giáo dục thể chất, sức khoẻ | 3 | 5 |
| Giáo dục và hướng dẫn nghề | 1 | 1 |
| Các khoá bắt buộc | 47-51 | |
| Các khoá chuyên sâu (tối thiểu) | 10 | |
| Tổng tối thiểu | 75 | |

Bảng 4. Các nhóm đa môn, môn học

| Các nhóm đa môn | Các môn |
|-----------------------------------|--|
| Ngôn ngữ | Tiếng mẹ đẻ và văn học; Ngôn ngữ 2; Các ngoại ngữ. |
| Toán học | Toán học |
| Môi trường, khoa học và công nghệ | Sinh học; Địa lí; Vật lí; Hoá học. |
| Cá nhân, kinh doanh và xã hội | Tôn giáo/đạo đức; Lịch sử; Nghiên cứu xã hội; Hướng dẫn giáo dục và nghề nghiệp |
| Nghệ thuật và thủ công | Nghệ thuật trực quan; Âm nhạc; Thủ công; Kịch. |
| Sức khỏe và chức năng cá nhân | Giáo dục thể chất; Giáo dục sức khỏe; Kinh tế gia đình. |



TTBD ĐBDC